



Mã số: 250529/1851:1/QTMT/REC

Tp. HCM, ngày 09 tháng 06 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH MTV SÀI GÒN CO.OP ĐÀM SEN**
- Địa chỉ: Tầng trệt, tầng 1, tầng 2 (Siêu thị Coop Mart), Khu A, chung cư Phú Thọ, phường 15, quận 11, TP.HCM
- Tên mẫu: Nước thải. Số lượng: 01 mẫu.

STT	MÃ SỐ MẪU	KÝ HIỆU/VỊ TRÍ LẤY MẪU
1	NT9.250529	0529/NT/U-COM-PT/1: Đầu ra sau HTXL nước thải (Tọa độ: X = 1191204; Y = 598593)

4. Ngày lấy mẫu: 29/05/2025

5. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B
				NT9.250529	
1	pH ^{(a)(b)}	--	TCVN 6492:2011	7,02	5 - 9
2	BOD ₅ ^(a)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	35	50
3	TSS ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	< 18	100
4	COD ^(a)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	54	--
5	Dầu mỡ ĐTV ^(a)	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2023	< 33	20
6	TDS ^{(a)(b)}	mg/L	PPNB01/HDHT/REC	596	1.000
7	S ²⁻ ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	KPH (MDL=0,05)	4
8	P_PO ₄ ³⁻ ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-PO ₄ ³⁻ .E:2023	7,21	10
9	N_NO ₃ ⁻ ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	5,37	50
10	N_NH ₄ ⁺ ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023	0,22	10
11	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	SMEWW 5540.B&C:2023	KPH (MDL=0,06)	10
12	Coliform ^(c)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	200	5.000

Ghi chú: Dấu (--) Không quy định; Cán bộ QC: Dương Hoàng Thanh Thảo

P. Phòng thí nghiệm

Dương Hoàng Thanh Thảo

K.T. Giám đốc



Tạ Công Uẩn

- Không được trích sao một phần phiên kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC)
- Dấu (a): Chỉ tiêu được Vincerts công nhận; Dấu (b): Chỉ tiêu thực hiện tại hiện trường.
- Dấu (c): Chỉ tiêu do NTP - Vincerts 292 thực hiện
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm



Mã số: 250529/1851:1/QTMT/REC

Tp. HCM, ngày 09 tháng 06 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH MTV SÀI GÒN CO.OP ĐÀM SEN**
- Địa chỉ: Tầng trệt, tầng 1, tầng 2 (Siêu thị Coop Mart), Khu A, chung cư Phú Thọ, phường 15, quận 11, TP.HCM
- Tên mẫu: Nước thải. Số lượng: 01 mẫu.

STT	MÃ SỐ MẪU	KÝ HIỆU/VỊ TRÍ LẤY MẪU
1	NT9.250529	0529/NT/U-COM-PT/1: Đầu ra sau HTXL nước thải (Tọa độ: X = 1191204; Y = 598593)

4. Ngày lấy mẫu: 29/05/2025

5. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B
				NT9.250529	
1	pH ^{(a)(b)}	--	TCVN 6492:2011	7,02	5 - 9
2	BOD ₅ ^(a)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	35	50
3	TSS ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	< 18	100
4	COD ^(a)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	54	--
5	Dầu mỡ ĐTV ^(a)	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2023	< 33	20
6	TDS ^{(a)(b)}	mg/L	PPNB01/HDHT/REC	596	1.000
7	S ²⁻ ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	KPH (MDL=0,05)	4
8	P_PO ₄ ³⁻ ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-PO ₄ ³⁻ .E:2023	7,21	10
9	N_NO ₃ ⁻ ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	5,37	50
10	N_NH ₄ ⁺ ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023	0,22	10
11	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	SMEWW 5540.B&C:2023	KPH (MDL=0,06)	10
12	Coliform ^(c)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	200	5.000

Ghi chú: Dấu (--) Không quy định; Cán bộ QC: Dương Hoàng Thanh Thảo

P. Phòng thí nghiệm

Dương Hoàng Thanh Thảo

KT. Giám đốc



Tạ Công Uẩn

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC).
- Dấu (a): Chỉ tiêu được Vincerts công nhận. Dấu (b): Chỉ tiêu thực hiện tại hiện trường.
- Dấu (c): Chỉ tiêu do NTP - Vincerti 292 thực hiện.
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.